

THÀNH ỦY BIÊN HÒA
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ PHƯỜNG LONG BÌNH

324.259 707 509 597 75

ĐC

L 302 S



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ PHƯỜNG LONG BÌNH (1994 - 2020)



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ PHƯỜNG LONG BÌNH
(1994 - 2020)**

**THÀNH ỦY BIÊN HÒA
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ PHƯỜNG LONG BÌNH**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG LONG BÌNH
(1994 - 2020)**

**THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG**

2022//BC/VV 001813

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Chỉ đạo thực hiện:
THÀNH ỦY BIÊN HÒA

Chịu trách nhiệm nội dung:
ĐẢNG ỦY PHƯỜNG LONG BÌNH

Ban biên soạn:
Chủ biên:
PHẠM ĐĂNG CHÍNH

Các thành viên:
VŨ THỊ THÚY HÀ
PHẠM HỒNG QUANG
NGUYỄN QUỐC VƯƠNG
BÙI QUANG TRUNG
PHẠM THỊ HỒNG THẨM
TRẦN VĂN THẮNG
HUỲNH THỊ MỘNG DUNG
PHAN THIÊN THUẬT
NGUYỄN VĂN CẢNH
PHẠM VĂN ĐĂNG

**Có sự góp ý, chỉnh lý về nội dung và bố cục
của Ban Tuyên giáo Thành ủy Biên Hòa**

Lời nói đầu

Phường Long Bình được thành lập theo Nghị định số 109/1994/NĐ-CP, ngày 29-8-1994 của Chính phủ trên cơ sở chia tách từ phường Tam Hòa và sáp nhập một phần từ các phường Tân Biên, Tân Hòa của thành phố Biên Hòa; xã Hố Nai 3 của huyện Thống Nhất và xã Phước Tân của huyện Long Thành (nay là phường Phước Tân thuộc thành phố Biên Hòa). Phường Long Bình nằm ở phía đông thành phố Biên Hòa có 3 trục đường giao thông chính đi qua là đường sắt Bắc Nam (phía bắc); Xa lộ Hà Nội (phía tây) và Quốc lộ 15 (phía tây nam) nay là đường Bùi Văn Hòa.

Ngay sau ngày thành lập, Đảng ủy đã lãnh đạo kiện toàn bộ máy chính quyền, các ban ngành đoàn thể và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân trong phường; vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân

tỉnh và Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội của phường ngày càng vững mạnh, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh và cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn phường không chỉ phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch thành phố giao hàng năm mà còn đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18-01-2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, Đảng bộ phường Long Bình thực hiện biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ phường Long Bình (1994-2020)*, để ghi lại những chặng đường phát triển của Đảng bộ và nhân dân trong phường.

Việc biên soạn và xuất bản cuốn sách này có thuận lợi cơ bản, đó là: có chủ trương đúng đắn của Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa, sự đồng thuận và quyết tâm của hệ thống chính trị địa phương, sự giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Thành ủy Biên Hòa và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai.

Mặc dù, Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm, bổ sung tư liệu để biên soạn cuốn

sách, song do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, cuốn sách sẽ không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong phường và bạn đọc gần xa để nâng cao chất lượng cuốn Lịch sử Đảng bộ trong lần tái bản sau.

BAN BIÊN SOẠN

PHẦN MỞ ĐẦU

PHƯỜNG LONG BÌNH - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ TỔNG QUAN VỀ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên phường Long Bình

Vùng đất Long Bình có lịch sử phát triển lâu đời, trải qua nhiều giai đoạn tách, nhập với các mốc giới và có những tên gọi khác nhau.

Làng Long Bình xưa thuộc tổng Long Vĩnh Thượng, hạt thanh tra Biên Hòa thành lập từ 30-3-1897 trên cơ sở nhập hai làng Bình Dương, Long Điền. Năm 1928 thuộc quận Long Thành cùng tỉnh. Từ năm 1939, địa bàn này thuộc làng Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa (từ năm 1963 thuộc quận Đức Tu cùng tỉnh). Sau 1956 gọi là xã vẫn thuộc tổng Long Vĩnh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa. Ngày 21-3-1959 nhập với xã Tân Bình thành xã Long Bình Tân.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, năm 1965, khu vực làng Long Bình bị Mỹ ủi phá xây dựng tổng

kho Long Bình, kho bom đạn lớn nhất của Mỹ ở Đông Nam Á.

Về phía chính quyền cách mạng, địa bàn Long Bình thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là khu vực thuộc về xã Tam Hiệp, nằm trong khu vực căn cứ du kích Bình Đa. Trong thời kỳ đầu chống Mỹ, Long Bình là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang thị xã Biên Hòa.

Sau ngày 30-4-1975, Bộ Quốc phòng quản lý Tổng kho Long Bình, phần diện tích đất được sử dụng cho rất nhiều mục đích như: xây dựng khu công nghiệp, doanh trại quân đội, cấp đất làm nhà ở cho gia đình cán bộ, công nhân viên của các đơn vị quân đội...

Phường Long Bình được thành lập theo Nghị định số 109/1994/NĐ-CP ngày 29-8-1994 của Chính phủ về việc “Tái lập huyện Vĩnh Cửu; điều chỉnh địa giới một số xã phường thuộc thành phố Biên Hòa và các huyện Long Khánh, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc”, trên cơ sở chia tách từ phường Tam Hòa và sáp nhập một phần của các phường Tân Biên, Tân Hòa của thành phố Biên Hòa; xã Hố Nai 3 của huyện Thống Nhất và xã Phước Tân của huyện Long Thành (nay là phường Phước Tân thuộc thành phố Biên Hòa).

Phường Long Bình nằm ở phía đông thành phố Biên Hòa, có 3 trục đường giao thông chính đi qua là đường sắt Bắc - Nam (phía bắc); Xa lộ Hà Nội (phía

tây) và Quốc lộ 15 (cũ) nay là đường Bùi Văn Hòa (phía tây nam).

Phía bắc giáp với phường Tân Biên, phường Tân Hoà thuộc thành phố Biên Hòa và xã Hố Nai 3 thuộc huyện Trảng Bom;

Phía tây giáp phường Tân Hiệp, phường Tam Hoà thuộc thành phố Biên Hòa;

Phía tây nam giáp phường An Bình và Long Bình Tân thuộc thành phố Biên Hòa;

Phía đông và đông nam giáp phường Phước Tân, xã An Hoà thuộc thành phố Biên Hòa và xã Hố Nai 3 thuộc huyện Trảng Bom. Ban đầu, phường Long Bình có tổng diện tích là 3.500,36ha. Năm 2012, thực hiện Quyết định 513/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”, theo thực tế điều chỉnh, lúc này, phường Long Bình có tổng diện tích là 3.461,8ha chiếm 22,63% diện tích đất tự nhiên của thành phố. Trong tổng diện tích tự nhiên của phường có 1.667ha đất an ninh quốc phòng và 621ha đất Khu công nghiệp tập trung. Diện tích còn lại chủ yếu là đất khu dân cư và đất phi nông nghiệp phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương của tỉnh, thành phố.

Phường Long Bình nằm trên khu vực đồi có độ dốc tương đối lớn từ 10-40%, có chỗ lên đến 60%. Khu vực

cao nhất là 32m, khu vực thấp nhất là 7m so với mặt nước biển.

Độ nghiêng địa hình phường Long Bình có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ địa phận giáp khu công nghiệp Amata tới cầu Suối Linh, độ dốc từ 10-30%.

Độ dốc theo hướng Tây Nam – Đông Bắc từ đường Quốc lộ 15 tới khu vực suối Bà Lúa. Đoạn này ngắn, có độ dốc theo triền đồi lớn từ 20-60%. Độ dốc theo hướng Đông Bắc – Tây Nam từ 10-40%.

Tính chất địa hình bán trung du, thổ nhưỡng hầu hết là đất đồi và rừng lâm nghiệp, rất phù hợp cho việc xây dựng các công trình và hạ tầng cơ sở. Do đó, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế đa dạng, trong đó ngành công nghiệp và dịch vụ là thế mạnh trong phát triển kinh tế, song kinh doanh dịch vụ vẫn là nguồn sống chính của đại bộ phận dân cư trên địa bàn phường.

Khí hậu của phường mang đặc điểm chung là nóng ẩm, mưa nhiều, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tổng lượng mưa trung bình trong năm khoảng 1600-1800mm.

Hướng gió chủ đạo là Tây, Tây Nam và Đông, Đông Bắc. Gió Tây Nam thổi trong mùa mưa với vận tốc trung bình là 3,5m/s; gió Bắc, Đông Bắc thổi từ tháng 01 đến tháng 3. Phường nằm trong khu vực miền Đông Nam bộ nên ít gió, bão.

Nhiệt độ không khí trung bình hàng năm từ 23-36°C, mức độ chênh lệch giữa các năm không lớn. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ban ngày và ban đêm dao động vào khoảng 10°C. Độ chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng nắng nóng và tháng mưa dao động khoảng 8°C.

Nguồn nước mặt trên địa bàn phường khá phong phú, được cung cấp từ nước mưa và hệ thống sông Đồng Nai, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và tạo thế cân bằng sinh thái cho cả vùng.

Toàn bộ hệ thống kênh rạch trong phường chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn sông Đồng Nai, lưu lượng nước phụ thuộc hai mùa mưa nắng.

Có các nhánh suối như: suối Linh, suối Chùa, suối Quan, suối Bà Lúa... chảy trên địa bàn phường, với chức năng là tiêu thoát nước mưa và nước sinh hoạt; trong đó suối Chùa, suối Linh đảm bảo việc tiêu thoát nước cho cả vùng dân cư bao gồm các khu phố 4, 5, 5A, Khu phố 6, Khu phố 8 cùng khu vành đai, vùng trung tâm và phụ cận của Khu công nghiệp Amata. Tuy nhiên, những năm gần đây việc người dân vứt rác, phế phẩm động vật cũng như xả nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt xuống các dòng suối cùng với việc nhiều hộ dân đã lấn chiếm hành lang và lòng suối để xây dựng, cơ nới nhà cửa, vật kiến trúc khiến những con suối bị thu hẹp dòng chảy, gây ô nhiễm nặng và ngập cục bộ vào mùa mưa.

Nguồn nước ngầm của phường có chất lượng tốt, trữ lượng đảm bảo, tầng nước nông, thuận lợi trong việc

khai thác phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt với hình thức giếng khoan và giếng đào.

Đến nay, phần lớn người dân trong phường đã được sử dụng nước sinh hoạt từ hệ thống cung cấp nước sạch của tỉnh.

2. Địa danh văn hóa, lịch sử

Lăng mộ Quốc công Đoàn Văn Cự và 16 Nghĩa binh

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858), nhiều phong trào kháng chiến đã nổ ra. Ở Biên Hòa, đầu thế kỷ XX nổi lên phong trào Hội kín, xây dựng lực lượng kháng Pháp. Trên vùng đất hiện nay thuộc phường Long Bình nổi lên gương chiến đấu và hi sinh anh dũng của các nghĩa binh Hội kín do Đoàn Văn Cự lãnh đạo.

Đoàn Văn Cự sinh năm 1835 tại làng Bình An, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa (nay là quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) trong một gia đình nho học yêu nước. Ông lãnh đạo Hội kín Thiên địa hội ở Biên Hòa, một tổ chức yêu nước chống Pháp, quy tụ lực lượng nghĩa binh tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.

Ngày 12 tháng 4 năm 1905, thực dân Pháp tổ chức hành quân vượt suối Linh tiến vào bao vây căn cứ Bưng Kiệu. Do không kịp phòng bị, Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa binh đã kiên cường chống trả, nhưng cuối cùng bị trúng đạn hy sinh. Nhân dân địa phương đã an táng nhà yêu nước Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh trong cùng một ngôi mộ, tọa lạc trên khu đất sát bên dòng suối Linh,

thuộc địa bàn Khu phố 3 phường Long Bình. Năm 1956 nhân dân trong vùng đắp mộ bằng đất. Năm 1965, Mỹ ủi rừng xây dựng tổng kho liên hợp Long Bình, khu mộ được bảo vệ bằng hàng rào kẽm gai. Năm 1990 khu mộ được nhân dân địa phương xây đắp lại nhưng quy mô còn nhỏ.

Di tích lịch sử Lăng mộ, đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh⁽¹⁾ là một minh chứng cho tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân Biên Hòa. Di tích đã được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ra quyết định công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia theo Quyết định số 722/QĐ/BVHTT ngày 25-4-1998.

Năm 2012 ngôi mộ được lãnh đạo chính quyền và nhân dân phường Long Bình tu bổ xây dựng như hiện nay. Ngôi mộ có hình chữ nhật (dài 6,5m, rộng 2m, cao 0,75m) bài trí đơn giản. Phía sau ngôi mộ là một ngôi miếu nhỏ thờ Quốc công Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh. Khu mộ được bảo vệ bởi lớp tường bao xây bằng gạch và có cổng ra vào.

Đáo lệ hàng năm, ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch và các ngày lễ, tết, lãnh đạo chính quyền và nhân dân trong phường tổ chức lễ giỗ, độ tế rất long trọng.

(1) Đền thờ Đoàn văn Cự và 16 nghĩa binh được xây dựng năm 1956 nay thuộc phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa.

II. DÂN CƯ VÀ SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ

1. Dân cư

Phường Long Bình là nơi hội tụ của người dân từ mọi miền đất nước về đây sinh sống, định cư, lập nghiệp mà chủ yếu là công nhân lao động trong các khu công nghiệp và người làm nghề dịch vụ, thương mại, tiểu thủ công nghiệp và chăn nuôi nên đặc điểm dân cư của phường có nhiều khác biệt với dân cư của nhiều nơi khác.

Khi thành lập, dân số của phường có khoảng 1.689 hộ, với hơn 7.500 nhân khẩu; sau khi nhận bàn giao từ các phường, xã giáp ranh và nhân dân các nơi khác chuyển đến sinh cư lập nghiệp, dân số tăng lên trên 13.976 người (thực tế khoảng trên 20 ngàn người). Nhận bàn giao từ phường Tam Hòa có 2 khu phố (Khu phố 6 và Khu phố 5 hiện nay) với 15 tổ nhân dân. Đến năm 1995 sau khi sáp nhập thêm từ các phường, xã giáp ranh, phường được chia thành 10 khu phố. Nhưng do Khu phố 9 chỉ có 1 tổ nhân dân nằm trong đất Lâm trường nên năm 2004 khu phố sáp nhập vào Khu phố 8; Khu phố 10 không có dân cư lại thuộc đất quy hoạch bàn giao cho Công ty cổ phần đô thị Amata Biên Hòa, nên Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ quyết định công nhận 8 khu phố lấy tên từ Khu phố 1 đến Khu phố 8. Năm 2006, chia tách Khu phố 5 ra Khu phố 5A thành 9 khu phố. Đến năm 2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết

định chia tách Khu phố 2 ra Khu phố 2A; Khu phố 7 ra Khu phố 7A và Khu phố 8 ra Khu phố 8A. Đến năm 2016, phường có 12 khu phố với 335 tổ nhân dân.

Qua quá trình xây dựng và phát triển, cùng với sự phát triển mạnh của các khu công nghiệp dẫn đến sự gia tăng dân số cơ học nhanh, đến năm 2020, toàn phường Long Bình có trên 16.860 hộ dân với gần 75 nghìn nhân khẩu thường trú (thực tế cả nhân khẩu tạm trú là gần 130 nghìn nhân khẩu) ngoài ra còn có hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ thuộc 22 đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn. Về cơ cấu dân tộc trên địa bàn phường hiện nay có 09 thành phần dân tộc cùng sinh sống; trong đó, người Kinh chiếm số lượng nhiều nhất, kế đến là người Tày, Hoa, Nùng, Mường, Thái, Sán Dìu, Thổ, Chăm.

Mật độ dân số của phường Long Bình khá cao, với hơn 7.806 người/km². Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm khoảng 3,6%, chủ yếu do tăng cơ học. Dân số ở Long Bình trong độ tuổi lao động khoảng 60.000 người, đa phần là công nhân lao động trong các khu công nghiệp.

2. Sự phân bố dân cư

Khu phố 1 nằm ở vị trí phía bắc phường, giáp ranh Xã lộ Hà Nội và đường Điều Xiển. Đến nay khu phố có hơn 1.345 hộ dân với trên 9.500 nhân khẩu, được chia thành 29 tổ nhân dân.

Khu phố 2 nằm ở vị trí phía tây bắc phường, khu phố có trên 2.223 hộ dân với hơn 10.000 nhân khẩu,

được chia thành 42 tổ nhân dân. Sau năm 2016, khi chia tách ra Khu phố 2A, năm 2020 Khu phố 2 còn có 1.376 hộ dân với gần 4.582 nhân khẩu, chia thành 18 tổ nhân dân.

Khu phố 2A, được tách ra từ Khu phố 2⁽¹⁾ nằm giữa ranh giới Khu phố 1, Khu phố 2 và Khu phố 8A. Khu phố có 1.864 hộ với gần 8.000 nhân khẩu, được chia thành 27 tổ nhân dân.

Khu phố 3 dọc theo Xa lộ Hà Nội, Khu phố 3 có 750 hộ với gần 3.500 nhân khẩu, được chia thành 19 tổ nhân dân.

Khu phố 4 ở trung tâm phường dọc theo trục đường Hoàng Bá Bích. Khi mới thành lập, Khu phố 4 chỉ có 175 hộ dân với 875 nhân khẩu, được chia thành 5 tổ nhân dân; đến năm 2020 toàn khu phố đã có trên 1.400 hộ với gần 5.600 nhân khẩu, được chia thành 26 tổ nhân dân.

Khu phố 5, ở vị trí trung tâm phường dọc theo trục đường Hoàng Bá Bích. Lúc mới thành lập, khu phố có trên 578 hộ dân với 2.361 nhân khẩu. Năm 2006 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Khu phố 5 được tách ra thành Khu phố 5 và Khu phố 5A; đến năm 2020 khu phố có trên 1.193 hộ với gần 5.800 nhân khẩu, được chia thành 28 tổ nhân dân.

Khu phố 5A, được tách ra từ Khu phố 5 vào năm

(1) Theo Quyết định số 4547 – QĐ/UBND ngày 29-12-2016 của Chủ tịch tỉnh Đồng Nai về việc “Sáp nhập, điều chỉnh, chia tách thành lập khu phố ở các phường: An Bình, Long Bình, Long Bình Tân, Tân Phong, Trảng Dài, Tân Hiệp thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai”.

2006 với 1.113 hộ, 4.450 nhân khẩu, đến năm 2020 khu phố có hơn 2.250 hộ với trên 18.000 nhân khẩu, được chia thành 50 tổ nhân dân.

Khu phố 6 nằm dọc theo trục Quốc lộ 15 nối dài (nay là đường Bùi Văn Hòa). Năm 2010, khu phố có 1.275 hộ với 5.725 nhân khẩu; đến năm 2020, khu phố có 1.770 hộ với 6.250 nhân khẩu, được chia thành 32 tổ nhân dân.

Khu phố 7 nằm ở phía nam phường, dọc tuyến đường Quốc lộ 15 nối dài (nay là đường Bùi Văn Hòa). Trước đây khu phố có hơn 2.100 hộ, trên 9.000 nhân khẩu, chia thành 35 tổ nhân dân; sau khi chia tách để thành lập Khu phố 7A, hiện nay khu phố còn hơn 1.270 hộ với gần 4.600 nhân khẩu, được chia thành 28 tổ nhân dân.

Khu phố 7A được tách ra từ Khu phố 7⁽¹⁾ nằm dọc theo Quốc lộ 15 nối dài (nay là đường Bùi Văn Hòa), giáp ranh với Khu phố Vườn Dừa thuộc phường Phước Tân. Khu phố có 926 hộ với 3.921 nhân khẩu, được chia thành 20 tổ nhân dân.

Khu phố 8 nằm ở phía đông bắc của phường, là khu phố đông dân cư. Năm 2016 khu phố có hơn 2.300 hộ với trên 12.000 nhân khẩu, được chia thành 44 tổ nhân dân, hình thành 3 cụm dân cư xen kẽ với Khu công nghiệp (KCN) Amata, KCN vừa và nhỏ. Sau khi tách Khu phố 8A,

(1) Theo Quyết định số 4547-QĐ/UBND ngày 29-11-2016 của Chủ tịch tỉnh Đồng Nai về việc “Chia tách khu phố mới thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa”.

đến nay khu phố có 1.177 hộ với 5.267 nhân khẩu, được chia thành 28 tổ nhân dân.

Khu phố 8A được tách ra từ Khu phố 8⁽¹⁾ có 1.540 hộ với hơn 6.580 nhân khẩu, được chia thành 30 tổ nhân dân.

Các khu phố đều đã có Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể, như: Ban Công tác Mặt trận, chi hội Cựu chiến binh, Phụ nữ, Nông dân, chi Đoàn thanh niên... với đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia. Đây là lực lượng nòng cốt cùng với Ban Điều hành khu phố dưới sự lãnh đạo của chi bộ để tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Là địa bàn có đông công nhân sinh sống, đây là nguồn lực vô cùng to lớn để phát triển kinh tế xã hội, đồng thời cũng là một thách thức lớn trong việc quản lý, ổn định đời sống của nhân dân trong phường và những vấn đề về an sinh xã hội. Vì vậy, Ban Điều hành, Ban Công tác Mặt trận, các đoàn thể ở các khu phố luôn quan tâm phối hợp tổ chức tuyên truyền trong nhân dân, công nhân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương: tuyên truyền vận động nhân dân đấu tranh

(1) Theo Quyết định số 4547-QĐ/UBND ngày 29-11-2016 của Chủ tịch tỉnh Đồng Nai về việc “Chia tách khu phố mới thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa”.

phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; động viên nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền sâu rộng chương trình “4 giảm” trong nhân dân, không để phát sinh các tệ nạn xã hội; thường xuyên củng cố lực lượng Bảo vệ dân phố, lực lượng Dân quân đủ số lượng, đảm bảo chất lượng góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trong suốt 26 năm qua, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, Ban Điều hành, Ban Công tác Mặt trận và các đoàn thể ở khu phố đã phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết ở khu dân cư, tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các phong trào thi đua yêu nước góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn. Coi trọng việc đa dạng các hình thức, phương pháp tuyên truyền như: băng rôn, panô, áp phích, khẩu hiệu trong các khu dân cư; tuyên truyền qua các buổi giao ban hàng tháng, các buổi họp nhân dân ở địa bàn dân cư. Các nội dung tuyên truyền theo chuyên đề như: an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng được triển khai thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả thiết thực.

Hàng năm, phường có 100% tổ nhân dân đạt Khá trở lên, trong đó trên 80% đạt Tốt. Các tầng lớp nhân dân

luôn phát huy tinh thần đoàn kết, xây dựng kinh tế ngày càng phát triển, chung tay xây dựng đô thị văn minh, an toàn; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tương trợ giúp nhau trong cuộc sống, chung sức cùng nhau xây dựng khu phố văn hóa.

Đến nay, 100% các khu phố đều vận động nhân dân đóng góp xây dựng được Nhà văn hóa làm nơi sinh hoạt cộng đồng, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến với nhân dân, công nhân lao động. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (nay là phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh) được quan tâm, hàng năm có trên 98,6% số hộ dân trong phường được công nhận gia đình văn hóa; các cộng đồng dân cư sống đoàn kết, nghĩa tình, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Ngoài ra, nhân dân còn đoàn kết, tương thân tương ái, thực hiện tốt công tác nhân đạo từ thiện, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, trẻ em nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn...

Toàn phường đã có 100% hộ dân dùng điện lưới quốc gia; 98,5% hộ dân sử dụng nước máy; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; 100% hộ dân đều có phương tiện nghe nhìn. Các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo, trên 80% người lao động trong độ tuổi có việc làm ổn định, thu nhập bình quân năm sau cao hơn

năm trước. Toàn phường không còn nhà tranh tre, dột nát, số hộ có nhà kiên cố tăng cao; 45% số hộ có đời sống kinh tế khá và giàu, tỷ lệ hộ nghèo còn 0,24%. 100% hộ nghèo được cấp thẻ Bảo hiểm y tế, được vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi để phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo. Mỗi khu phố đã vận động nhân dân đóng góp hàng chục tỷ đồng để bê tông hóa các tuyến đường, lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt, đèn chiếu sáng, Camera giám sát an ninh trong khu phố.

III. VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG TÂM LINH VÀ TÔN GIÁO

1. Văn hóa tín ngưỡng tâm linh

Đất nước thống nhất, “đất lành chim đậu”, rất đông đồng bào với nhiều thành phần dân tộc từ khắp mọi miền đất nước về đây sinh sống, đã tạo nên một phường Long Bình đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng.

Các dân tộc sinh sống tại phường Long Bình cũng như nhiều nơi trong tỉnh Đồng Nai mang trong mình nền văn hóa, tín ngưỡng riêng biệt và có sự giao thoa: thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ Thành hoàng bốn cảnh, thờ các vị anh hùng có công đối với đất nước, thờ vật linh...

Mỗi khi cúng kỵ thì nghi lễ rất nghiêm trang, lễ vật tùy tâm, tùy theo khả năng của từng nhà, thường gọi là “Lễ bạc lòng thành”. Tập quán ấy từ xưa đến nay vẫn được duy trì trong nhân dân.

2. Tôn giáo

Trên địa bàn phường có nhiều hộ dân theo đạo Phật, đạo Công giáo... nên trong phường cũng có nhiều cơ sở tôn giáo như: Chùa Trúc Lâm Viên Nghiêm, Thiền viện Trúc lâm Nhật Quang, nhà thờ Giáo xứ Long Bình, nhà thờ Giáo xứ Thánh Phanxicô, nhà nguyện Giáo họ Phaolô.

Chính vì vậy mà Đảng ủy, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc phường luôn thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia các sinh hoạt tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của các tín đồ tôn giáo và quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Do đó, các chức sắc và tín đồ tôn giáo cùng với người dân trong phường luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, luôn luôn đoàn kết, thân ái, sống tốt đời đẹp đạo, không mê tín dị đoan; luôn góp sức chăm lo cho người nghèo, người tàn tật, neo đơn không nơi nương tựa với tinh thần đoàn kết tương thân tương ái. Điều này góp phần tạo ra sự tin tưởng lớn của bà con giáo dân, phật tử đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ, công tác quản lý của chính quyền và lan tỏa mạnh mẽ đến các bộ phận dân cư trong phường, tăng cường niềm tin vào Đảng, vào chính quyền từ trung ương đến cơ sở.

IV. TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH

1. Khái quát về lịch sử đấu tranh

Phường Long Bình được hình thành trên cơ sở chia tách một phần của phường Tam Hòa và sáp nhập một phần của các phường Tân Biên, Tân Hòa thành phố Biên Hòa; xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất và xã Phước Tân của huyện Long Thành (nay thuộc thành phố Biên Hòa) vào năm 1994, nên suốt chặng đường hình thành, phát triển cũng như đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân phường giai đoạn trước đó gắn liền với lịch sử truyền thống của các địa phương trên và của thành phố Biên Hòa. .

Ngay sau khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm thành Gia Định vào tháng 2-1859, mở đầu cuộc xâm lược nước ta mà đầu tiên là vùng đất Nam bộ, với lòng yêu quê hương, ý chí kiên cường bất khuất chống áp bức bất công, tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết tương thân tương ái, trung thực, khảng khái, nhân dân Biên Hòa nói chung cũng như nhân dân các phường Tam Hòa, Tân Biên, Tân Hòa, xã Hố Nai 3, xã Phước Tân nói riêng dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước đã đứng lên chống giặc Pháp bảo vệ quê hương đất nước bằng cách tham gia các hội kín, tham gia vũ trang hoặc ủng hộ nghĩa quân dưới nhiều hình thức mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Quốc công Đoàn Văn Cự và Thiên địa hội.

Những năm 20 của thế kỷ XX, khi thực dân Pháp mở rộng cuộc khai thác thuộc địa lần 2, bằng cách lập ra nhiều đồn điền cao su, khiến đội ngũ công nhân ra đời và ngày càng tăng về số lượng, công nhân Biên Hòa đã không ngừng đấu tranh cho quyền lợi giai cấp bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao để chống lại sự áp bức, bóc lột của bọn chủ tư bản, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Mặc dù vậy, thời gian này, những phong trào yêu nước, đấu tranh của nhân dân Biên Hòa đều mang tính tự phát nên hầu hết bị khủng bố, dập tắt.

Trong những năm 30 của thế kỷ XX, thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Biên Hòa đã đẩy lên phong trào đấu tranh sôi nổi. Sự đấu tranh của nhân dân Biên Hòa trong thời kỳ này là bước tập dượt quan trọng để nâng cao nhận thức cách mạng và hình thức đấu tranh.

Ngày 27-9-1941, thực dân Pháp chấp nhận cho quân Nhật chiếm đóng Nam kỳ. Từ khi Nhật vào Đông Dương, nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai phải tiếp tục chịu ách thống trị “một cổ hai tròng” cuộc sống vô cùng cơ cực. Chúng bắt đồng bào ta hàng ngày phải đi đắp đường, đào hào giao thông, xây dựng kho tàng khiến cuộc sống của nhân dân vô cùng cực khổ.

Tháng 5-1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, tổ chức Thanh niên Tiền phong do Xứ ủy Nam kỳ lãnh đạo được thành lập tại Sài Gòn và nhanh chóng lan ra các

tỉnh Nam bộ. Từ thị trấn đến nông thôn tập hợp các tầng lớp giai cấp không phân biệt nam nữ, tuổi tác.

Tháng 6-1945 đã diễn ra Hội nghị cán bộ Đảng ở Biên Hòa nhằm đề ra phương hướng, kế hoạch, thành lập Ủy ban khởi nghĩa để tiến tới giành lấy chính quyền trong toàn tỉnh. Đến dự hội nghị này có 8 đồng chí, thời gian họp vào lúc 19 giờ ngày 03-6-1945.

Cuộc họp do đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì và kéo dài khoảng hai tiếng đồng hồ trong không khí bí mật, trang nghiêm. Hội nghị đã quyết định những vấn đề quan trọng về chủ trương, chuẩn bị cho nhân dân Biên Hòa nổi dậy giành chính quyền trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám; thành lập Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu đứng đầu làm cơ sở để Đảng lãnh đạo quần chúng Biên Hòa đứng lên giành lấy chính quyền. Sáng ngày 25-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu lãnh đạo đột nhập vào Tòa Bố và khống chế binh lính địch. Ngày 26-8-1945, tại Tòa Bố Biên Hòa, Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý - tay sai phát xít Nhật đầu hàng trao trả chính quyền cho cách mạng và nhân dân, đánh dấu ngày sụp đổ hoàn toàn hệ thống cai trị của thực dân phong kiến ở Biên Hòa.

Ngày 02-9-1945, từ Quảng trường Ba Đình – Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam). Hơn hai phần ba thế kỷ nô lệ, giờ đây nhân dân Long Bình nói

riêng và nhân dân Biên Hòa nói chung đã cởi bỏ được gông xiềng, trở thành người dân của một đất nước độc lập tự do. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam được tự do sau hơn 80 năm đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Tuy nhiên, hòa bình độc lập chưa được bao lâu thì ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Sài Gòn. Theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cả nước chi viện cho miền Nam.

Ngay trong ngày 23-9-1945, Hội nghị đại biểu tỉnh Biên Hòa đã diễn ra với sự tham dự của đồng chí Hà Huy Giáp - đại diện Xứ ủy Nam Bộ và hơn 40 đồng chí. Hội nghị đã quyết định thành lập Tỉnh ủy đầu tiên tại Nhà Hội Bình Trước. Hội nghị cũng đề ra một số chủ trương lớn và biện pháp thiết thực để chính quyền thực hiện ngay nhằm ổn định tình hình mọi mặt trong tỉnh như: Gấp rút xây dựng và củng cố chính quyền các cấp từ tỉnh đến quận, xã; đề ra biện pháp cụ thể là tổ chức các cuộc họp mặt với các nhà tư bản, công chức cũ, binh lính cũ động viên họ tham gia xây dựng cuộc sống mới. Trả tự do cho tù chính trị, phóng thích một số tù thường phạm. Kiểm kê toàn bộ tài sản quốc gia, mở kho bạc để sử dụng. Bãi bỏ những sắc thuế bất công, thu thuế có lợi cho dân. Tịch thu các cơ sở đồn điền, xí nghiệp của thực dân Pháp. Tổ chức phát thuốc trị bệnh, cứu tế cho người nghèo. Giải quyết nạn ăn mày, trẻ mồ côi. Dự trữ

lương thực để kháng chiến chống Pháp. Vận động quần chúng góp tiền, vàng, đồng để mua và chế tạo vũ khí. Cử cán bộ xuống xây dựng củng cố chính quyền các cấp. Xây dựng lực lượng vũ trang, du kích tự vệ. Chấn chỉnh lực lượng cảnh sát để bảo vệ trật tự trị an trong thành phố. Xây dựng một số chiến khu kháng chiến như chiến khu Bình Đa, Gò Rày thuộc huyện Vĩnh Cửu. Xây dựng tổ chức quần chúng hình thành Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Phụ nữ cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc...

Từ tháng 12-1946, thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta. Do đó, chúng phải tăng cường quân đội, trang bị từ Nam ra Bắc, đường sắt Bắc - Nam trở thành đường vận chuyển chiến lược của quân Pháp. Nhân dân phường Long Bình nói riêng và nhân dân Biên Hòa vùng lên tham gia kháng chiến chống giặc tái chiếm quê hương.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), làng Long Bình nằm trong Chiến khu Bình Đa, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa. Đây là nơi đứng chân thường xuyên của đại đội Lam Sơn chuyên đánh phá đường sắt do Hoàng Phùng Đức chỉ huy, quân báo tỉnh và quân báo quận Châu Thành; là một bàn đạp, đầu cầu quan trọng trên trục hành lang Chiến khu Đ về Long Thành, Bà Rịa, tạo thế đứng chân để các lực lượng vũ trang đánh giao thông địch, đánh vào nội ô thị xã. Chính vì vậy, thực dân Pháp luôn tìm mọi cách tiêu diệt Chiến khu Bình Đa, gom dân về vùng tạm chiếm. Pháo binh

địch từ bót nhà máy cưa (BIF) thường xuyên liên tục (nhưng không thành qui luật) bắn phá vào căn cứ, gây nhiều thiệt hại về người và của. Bộ binh địch từ tiểu khu Biên Hòa, bót Bến Gỗ cùng bọn lính biệt kích Paren ở bót Cây Chàm thường xuyên càn quét vào Bình Đa, đột kích bí mật ám sát cán bộ, phá hoại vườn tược cây trái của nhân dân. Trên hành lang giao liên từ Chiến khu Đ về Long Thành, Bà Rịa qua Hồ Cạn (Tân Phong), Bình Đa, nhiều cán bộ chiến sĩ lọt vào vòng phục kích của địch. Hàng chục cán bộ, chiến sĩ, nhân dân đã hi sinh ở hai đầu cầu Bà Xanh.

Để tiến hành âm mưu xóa sổ Chiến khu Bình Đa, thực dân Pháp chiếm nhà dân, lập đồn Long Điền làm điểm xuất phát tiến công Chiến khu Bình Đa. Cùng với Việt Minh từ các nơi đến hoạt động, nhân dân Long Bình đào hầm bí mật, đặt chông tre trong làng nhằm diệt Tây đến càn quét, bố ráp. Tỉnh ủy đã chỉ đạo tiêu diệt đồn Long Điền, phá vỡ âm mưu này. Vào ngày 11-06-1951, nhờ liên lạc chặt chẽ với ông Bảy Nhái (tên thật là Bùi Văn Lộc – hiện nay thuộc phường Long Bình Tân), đại đội Lam Sơn, đội biệt động tỉnh từ căn cứ du kích Bình Đa đã tập kích bất ngờ đồn Long Điền vào giờ cơm trưa. Chúng chạy tán loạn, trở tay không kịp, nhiều tên bị giết và tước vũ khí, quân dụng, quan trọng hơn là phá vỡ âm mưu thâm độc của địch từ trong trứng nước, xóa bỏ thế uy hiếp của địch với căn cứ Bình Đa.

Năm 1952, thực dân Pháp tập trung nhiều lực lượng

quyết tâm tiêu diệt căn cứ du kích Bình Đa. Địch từ tiểu khu Biên Hòa liên tục càn bố vào Bình Đa; pháo cối của địch từ bót Bến Gỗ, bót nhà máy cửa liên tục bắn vào căn cứ; máy bay thỉnh thoảng ném bom xuống những vùng nghi có bộ đội đứng chân. Tàu tuần của địch trên sông Đồng Nai ngang qua Bình Đa, chỉ cần thoáng thấy bóng người là lập tức nổ súng vào. Mặt khác, thời tiết khô hạn kéo dài, trâu bò cày không có nên số dân bám trụ phải bỏ ruộng. Nạn đói đe dọa hàng ngày trong căn cứ. Trước tình hình này, Tỉnh ủy chủ trương đưa một số cán bộ cùng nhân dân vào nội ô sinh sống, vừa giải quyết khó khăn trước mắt, vừa tạo thêm cơ sở bên trong nội thành.

Liên tục trong năm 1952, nhiều đoàn cán bộ từ Bình Đa lên Chiến khu Đ và ngược lại bị rơi vào ổ phục kích của giặc, chịu nhiều tổn thất. Đặc biệt mùa thu năm 1952, địch càn vào Bình Đa, đốt cháy hết tre ở vòng thành bao quanh Bình Đa. Cuối năm 1952, địch từ bót Bến Gỗ tiến về Bình Đa, vừa tiến quân vừa sửa đường và xây lại bót Bình Đa. Lực lượng du kích phải vượt Quốc lộ 15 rút lên Bà Bưởi. Đóng được bót Bình Đa, chúng cho một số dân trong nội ô thị xã và Bến Gỗ vào rừng làm củi để lấy thuế; đồng thời để phá căn cứ ta. Bọn biệt kích áo đen cũng trà trộn với dân đi làm củi để luôn rừng hòng tìm bắt cán bộ, du kích của ta. Ở cửa rừng, chúng đặt các trạm kiểm soát để ngăn chặn dân tiếp tế gạo, thực phẩm, thuốc men... cho kháng chiến. Nhưng địch không

thể ngờ lòng dân vẫn hướng về kháng chiến, bà con đã bí mật làm hiệu cho anh em: có lính theo thì động tác chặt cây thật gấp, không có địch thì chặt cây chậm chậm để anh em trong rừng ra tiếp xúc hoặc nhận đồ tiếp tế mà bà con mang được. Trước tình hình đó, đầu năm 1953, với sự kết hợp của bộ đội và giao liên địa phương, ta tiến hành đánh các bót của thực dân Pháp tịch thu được nhiều vũ khí, quân dụng.

Đông Xuân năm 1953 – 1954, quân ta giành thắng lợi lớn trong chiến dịch Hòa Bình, Thượng Lào, Tây Nguyên, mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày 07-5-1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, phong trào kháng chiến ở Nam bộ mở rộng và giành nhiều thắng lợi giòn giã. Tham vọng xâm lược của thực dân Pháp đã bị đập tan.

Trước khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết (tháng 7-1954), tại Hội nghị Trung ương 6 (từ ngày 15 đến ngày 18-7-1954), Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương và đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương và nhân dân Việt Nam.

Ngày 20-7-1954, thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ kết thúc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, công nhận chủ quyền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Thời gian này Tỉnh ủy chỉ định các đồng chí Nguyễn Đông Châu, Nguyễn Văn Tô, Nguyễn Hồng Dương và Ngô Bá Cao bám lại địa phương triển khai nhiệm vụ tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định để củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng vào cách mạng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo phong trào.

Nhận định của Đảng về bản chất và ý đồ của địch là hoàn toàn có cơ sở. Thực dân Pháp chưa rút hết khỏi Việt Nam thì đế quốc Mỹ đã tìm cách thay chân, xúc tiến ngay việc biến miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, một pháo đài chống Cộng ở Đông Nam Á. Ngày 07-7-1954, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam để lập nên chính phủ bù nhìn, xây dựng quân đội tay sai, thực hiện khủng bố thanh trừng các lực lượng thân Pháp còn lại nhưng trọng tâm là đánh vào phong trào quần chúng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài gòn nhằm chia cắt đất nước lâu dài, chúng tăng cường khủng bố và bắt bớ, cầm tù những chiến sĩ cách mạng. Chúng xây dựng hàng loạt ấp chiến lược để dồn dân nhằm cách ly dân với cách mạng.

Từ năm 1956 và những năm tiếp sau, Mỹ - Diệm mở các chiến dịch Trương Tấn Bửu, chiến dịch "tổ cộng, diệt cộng" khủng bố cán bộ cách mạng và trả thù những người kháng chiến cũ.

Đầu năm 1959, trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm thực tiễn của đồng bào, chiến sĩ miền Nam qua hơn bốn năm đấu tranh gian khổ, hy sinh; cũng như những kiến nghị của cán bộ, đảng viên, các cấp ủy đảng và quần chúng nhân dân; cùng với khí thế sục sôi cách mạng ở miền Nam, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (khóa II, tháng 01-1959), Đảng ta đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước, đề ra một cách toàn diện đường lối cách mạng miền Nam, đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà. Đảng khẳng định: con đường giải phóng miền Nam là con đường cách mạng bạo lực, trước nhất “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang hoặc nhiều hoặc ít tùy tình hình, đánh đổ quyền thống trị của đế quốc, phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Trong Diễn văn khai mạc Đại hội lần thứ III của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Ngày nào mà chưa đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, chưa giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm thì nhân dân ta vẫn chưa thể ăn ngon ngủ yên”. Từ nhận diện rõ kẻ thù, nhất là âm mưu, thủ đoạn, chính sách cơ bản của chúng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt đánh giá đúng tương quan lực lượng địch - ta, từ đó có chủ trương, quyết sách phù hợp đối với từng thời điểm lịch sử, đánh thắng địch từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Được Đảng cho phép cầm vũ khí đánh địch, khắp nơi ở miền Nam nhân dân nổi dậy “vũ trang khởi nghĩa” diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ.

Phong trào Đồng khởi ở Bến Tre, chiến thắng Tua 2 (Tây Ninh) đã tác động mạnh mẽ đến quần chúng nhân dân Nam bộ.

Trong lúc này phong trào cách mạng hai tỉnh Biên Hòa, Long Khánh vừa khôi phục lại, những vùng cư dân mới hình thành, hầu hết là vùng trắng, Đảng chưa xây dựng được cơ sở, chưa nhen nhóm được phong trào cách mạng trong quần chúng nhân dân.

Trong bối cảnh phong trào cách mạng ở địa phương vừa được nhen nhóm thì cũng là lúc Mỹ - Diệm thực hiện quốc sách ấp chiến lược - xương sống của chiến lược Chiến tranh đặc biệt ở miền Nam.

Âm mưu cơ bản của địch là biến các ấp chiến lược thành những “pháo đài chống cộng” kiên cố, để bảo vệ các đường giao thông, tạo vành đai bảo vệ các căn cứ, hậu cứ quân sự của chúng ở Biên Hòa, Long Bình,...

Với thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc “chống cộng để bảo vệ đạo”, địch tổ chức mỗi ấp từ một đến hai trung đội chiến đấu có trang bị vũ khí do các tên ác ôn phản động chỉ huy. Lực lượng này cùng với bọn dân vệ, bảo an thường xuyên canh gác kiểm tra, bắt bớ cơ sở cách mạng, truy lùng cán bộ chiến sĩ giải phóng, chúng tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét để gom các gia

đình ở sâu trong các vườn rẫy ra tập trung dọc theo các tuyến đường giao thông.

Tháng 4-1964, Khu ủy và Bộ Tư lệnh khu miền Đông (T1) quyết định mở đợt tiến công đánh bại âm mưu bình định, phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, hỗ trợ các địa phương phát triển phong trào chiến tranh nhân dân.

Sau chiến thắng Bình Giã⁽¹⁾, chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ về cơ bản đã bị phá sản, chế độ tay sai Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Đế quốc Mỹ buộc phải tăng cường lực lượng vào miền Nam Việt Nam, chuyển hướng chiến lược từ Chiến tranh đặc biệt sang chiến lược Chiến tranh cục bộ.

Ngày 05-5-1965, Lữ đoàn dù 173 Mỹ và sau đó là một đại đội pháo Tân Tây Lan, một tiểu đoàn lính Úc Đại Lợi đổ bộ vào Vũng Tàu rồi được đưa lên Biên Hòa. Ngày 17-7-1965, Giôn Xơn quyết định triển khai 44 tiểu đoàn Mỹ vào miền Nam Việt Nam, thông qua chiến lược “tìm diệt” của Oét-Mo-Len và kế hoạch 3 giai đoạn⁽²⁾. Với quyết định này, đế quốc Mỹ đã chính thức thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ.

(1) Chiến dịch Bình Giã diễn ra từ đêm 2-12-1964 đến 3-1-1965.

(2) Giai đoạn 1 (7/1965 – 12/1965): phá kế hoạch mùa mưa của ta, đảm bảo triển khai nhanh quân Mỹ.

Giai đoạn 2 (1966 – 1967): mở phản công chiến lược diệt chủ lực ta và kiểm soát nông thôn.

Giai đoạn 3 (cuối 1967): diệt chủ lực ta, phá căn cứ, tiếp tục bình định miền Nam, rút quân Mỹ.

Thành phố Biên Hòa trở thành đô thị mang tính chất quân sự lớn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, là trung tâm đầu não của địch ở miền Đông Nam bộ, địch nhanh chóng mở rộng các căn cứ, hậu cứ, sân bay, kho tàng lớn như sân bay Biên Hòa, Tổng kho Liên hợp Long Bình, Bộ Chỉ huy Quân đoàn 3, Bộ Tư lệnh dã chiến II,... quân viễn chinh Mỹ và chư hầu ồ ạt đổ vào Biên Hòa và từ đây bung đi các địa phương khác trên toàn miền Nam.

Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã triển khai lực lượng, đóng thêm nhiều đồn bót và trận địa Pháo 105 ly thường xuyên bắn phá, liên tục hành quân quy mô vừa và lớn vào địa bàn Biên Hòa. Đồng thời, để bảo đảm an toàn vành đai Biên Hòa và các cơ quan đầu não, Lữ đoàn dù 173 Mỹ liên tục càn quét vào Bùng Binh, đường Kiểm (Thiện Tân), Đồng Lách (Tân Định) để đẩy lực lượng vũ trang huyện, tỉnh ra xa.

Mỹ vào, cục diện chiến trường hoàn toàn thay đổi. Sự xâm lược trực tiếp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã tác động mạnh đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Ngày 20-7-1965, Hồ Chủ tịch đã ra lời kêu gọi khẳng định quyết tâm đánh Mỹ của toàn dân ta. Người nói: “Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng kiên quyết chiến đấu: dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”.

Nhận rõ những âm mưu của địch và thấy rõ vị trí trọng yếu liên quan trực tiếp đến thành phố Biên Hòa, tháng 9-1965, Trung ương Cục quyết định nâng Biên Hòa thành một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh, phiên hiệu U1. Nhiệm vụ của Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) là lãnh đạo xây dựng cơ sở cách mạng ở nội thành Biên Hòa tạo điều kiện cho đặc công tiến vào các cơ quan đầu não, sân bay, kho tàng, căn cứ quân sự của Mỹ ngụy. Tỉnh đội U1 tổ chức ba đội hậu cần hoạt động trên tuyến Dầu Giây đến Hồ Nai. Đội 1 (CK1) do đồng chí Chánh (Ba Chánh) phụ trách khu vực Hưng Lộc, Bàu Hàm; Đội 2 (CK2) do đồng chí Ngô Văn Huyện chỉ huy đứng chân ở Trảng Bom, Bàu Cá; Đội 3 (CK3) do đồng chí Nguyễn Văn Đạt phụ trách khu vực Bù Chu, Hồ Nai. Mỗi đội có 6-8 đồng chí vừa xây dựng cơ sở, vừa làm nhiệm vụ thu mua lương thực, hàng hóa cho tỉnh và quân khu.

Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24km², nằm cách Sài Gòn 20km về phía đông, cách thành phố Biên Hòa 7km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở đây thường xuyên có khoảng 2.000 tên.

Tổng kho được địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kẽm gai kết hợp gài mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40m nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 – 50m. Bên trong có

nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kềm gai.

Hai khu kho quan trọng trong Tổng kho là khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100m, các nhà cách nhau 60m. Nhà kho xây hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4 – 5m.

Ngoài ra để bảo vệ Tổng kho địch luôn chú trọng việc “làm sạch địa bàn”, thường xuyên sục sạo vào nhà dân bắt giữ những người bị chúng tình nghi.

Ngày 22-6-1966, đội đặc công 06 chiến sỹ chia làm 3 tổ: Tổ 1 do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng làm tổ trưởng, tổ 2 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tư Già) làm tổ trưởng, tổ 3 do đồng chí Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng, vượt rào và chướng ngại vật tiếp cận khu kho Đồi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ.

Sáng 23 - 6, khu kho Đồi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùm trong khói lửa, các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ. Đây là trận tiến công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào Tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Trận đánh giành thắng lợi lớn và được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng III và 4 Huân chương Chiến công giải phóng.

Tháng 8-1966, Hội nghị Trung ương cục miền Nam lần thứ 4 đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là: Đẩy mạnh cao trào tấn công 3 mũi, phát động chiến tranh du kích rộng, toàn diện, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững và phát huy phong trào đấu tranh cách mạng.

Để phối hợp với chiến trường chung, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 – 1966; 1967 - 1968), Tỉnh đội Biên Hòa (U1) chỉ đạo đặc công tinh liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 28-10-1966, Đặc công U1 bí mật vượt nhiều lớp rào kẽm gai đột nhập kho Long Bình, gài tám quả mìn hẹn giờ làm nổ tung 8 kho đạn 81 ly, 105 ly, 155 ly, 203 ly và phá hủy hàng chục nghìn quả đạn các loại của đế quốc Mỹ gây chấn động thành phố Biên Hòa, Sài Gòn.

Đế quốc Mỹ chưa kịp hoàn hồn và dọn dẹp khu kho còn ngổn ngang, đặc công U1 lại tiếp tục tiến công vào Long Bình. Trong hai đêm 17-11-1966 và 9-12-1966, với phương châm “lấy chất lượng cao thắng số lượng đông”, đặc công ta đặt mìn hẹn giờ nổ chậm vào các khu kho lớn ở Đồi 53. Kết quả một khối lượng lớn đạn pháo, rốc két của Mỹ chưa kịp đem gây tội ác đã bị hủy diệt.

Như vậy sau ba đợt tấn công bí mật của Đặc công U1 cuối năm 1966 vào Tổng kho Long Bình, ta đã hủy

diệt 353.000 đạn pháo và các loại bom của địch. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của Đặc công U1, được Bộ Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng II. Chiến công vang dội của Đặc công U1 ở kho Long Bình là một đóng góp tích cực cho chiến trường toàn miền Nam góp phần quan trọng cùng quân đội ta đánh bại đợt phản công mùa khô lần thứ 2 của Mỹ.

Tháng 02-1967, trong lúc Mỹ đang triển khai cuộc hành quân lớn nhất - hành quân Junction City (Gian-xơn Xi-ty) đánh vào căn cứ Dương Minh Châu, bắc Tây Ninh thì Khu ủy và Tỉnh đội U1 nhận được điện của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền cần phải tiếp tục đánh và phải đánh mạnh vào Tổng kho Long Bình và sân bay Biên Hòa.

Đêm 03-02-1967, Đặc công U1 lại đột nhập khu kho Đồi 53 đặt mìn hẹn giờ. Bốn mươi dãy kho bị nổ tung với 800.000 quả đạn pháo các loại. Một tổ Đặc công U1 từ chốt Bình Trị, Hóa An đột nhập vào sân bay quân sự Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 10 triệu lít xăng dầu⁽¹⁾.

Trên chiến trường toàn miền, sau thất bại trong hai cuộc phản công chiến lược 1965 - 1966 và 1966 - 1967, quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn bị nhiều tổn thất, tinh thần của binh lính và chính quyền Sài Gòn sa sút hẳn,

(1) *Địa chí Đồng Nai*, Nxb. Đồng Nai, 2005.

còn lực lượng cách mạng tiếp tục phát triển ở cả đô thị và nông thôn.

Tháng 6-1967, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định: tình hình chung cho phép chúng ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định.

Tháng 12-1967, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ ra nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Nam - Bắc, giành một thắng lợi chiến lược mới. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền đã tổ chức lại chiến trường, hình thành 5 phân khu tổ chức 5 mũi tiến công vào Sài Gòn – đầu não của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam. Đây là trọng điểm của cuộc tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Các cơ sở của ta bí mật chờ hàng chục khẩu súng, hàng ngàn viên đạn, có cả đạn B40 vào các gia đình cơ sở ở nội ô thị xã Biên Hòa cất giấu. Đêm 31-01-1968, sau hàng loạt pháo nã vào sân bay Biên Hòa làm hiệu lệnh, mở đầu cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân Biên Hòa, Hồ Nai... vào sào huyệt của địch.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và những đợt tiến công kế tiếp của quân và dân toàn miền Nam đã làm phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ. Từ thế chủ động tìm diệt và bình

định, Mỹ phải chuyển sang thế bị động thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, đồng thời ráo riết tiến hành bình định các vùng nông thôn ở Việt Nam, mức độ đánh phá của địch ngày càng cao.

Sau Mậu Thân 1968 do bị lộ lực lượng, kết hợp số đầu hàng phản chiến, tình hình phong trào cách mạng gặp khó khăn kéo dài. Đến đầu năm 1972, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ trên toàn miền Nam, trong đó trọng điểm là các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Trong tình hình đó, Thị ủy Biên Hòa chủ trương tạo điều kiện bố trí nhiều đồng chí vào nội thành, dưới nhiều danh nghĩa hoạt động công khai hợp pháp, xây dựng lại cơ sở, phát triển phong trào quần chúng đấu tranh chống địch trong nội thành và chuẩn bị cơ sở về lâu dài.

Ngày 13-8-1972, Đoàn Đặc công 113⁽¹⁾ chia làm 3 mũi đột nhập khu kho Đồi 53 đặt 108 khối thuốc nổ hẹn giờ, đúng 04 giờ sáng ngày 14-8-1972, các khối thuốc đồng loạt nổ tung, phá hủy 200 kho, 17 dãy nhà, thiêu hủy 15.000 tấn bom đạn, xăng dầu.

Tháng 9-1972, Đoàn Đặc công 113 lại tiến công vào sân bay Biên Hòa và khu kho Đồi 53 Long Bình. Bốn kho bom, 200 máy bay bị phá hủy, hơn 200 nhà kho bị cháy,

(1) Trung đoàn Đặc công 113 thành lập 02-06-1972 trên cơ sở hai tiểu đoàn đặc công của tỉnh đội U1 có tăng cường cán bộ từ Đoàn 429 của Miền.

tiếng nổ và lửa cháy suốt ngày đêm gây chấn động Biên Hòa, Sài Gòn.

Ngày 14-12-1972, chiến sĩ Đặc công 113 đột nhập vào bãi để xe ở Cao điểm 50 của Tổng kho Long Bình, gài 61 quả mìn tiêu hủy gần 200 xe quân sự.

Ngày 19-01-1973, Tỉnh ủy Biên Hòa đã triển khai Chi thị và Kế hoạch của Tỉnh ủy về hoạt động “chồm lên chiếm lĩnh” với mục đích mở rộng vùng giải phóng, nâng mức làm chủ của quần chúng, đánh bại âm mưu “tràn ngập lãnh thổ” của chế độ Sài Gòn, tạo điều kiện pháp lý cho nhân dân đấu tranh chính trị khi Hiệp định Paris được ký kết.

Ngày 27-01-1973, đế quốc Mỹ chấp nhận ký kết Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở miền Nam Việt Nam. Hiệp định Paris mở ra một bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. Đế quốc Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam, cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.

Để thực hiện lấn chiếm, giành dân, giành đất, địch tăng cường đóng nhiều chốt, cụm trên khắp địa bàn cửa ngõ ra vào Biên Hòa, Hồ Nai, dọc Quốc lộ 1A và Quốc lộ 20; đồng thời mở nhiều cuộc hành quân đánh phá vào các vùng căn cứ du kích; tăng cường quân sự hóa

hành chính để kèm kẹp quần chúng, kết hợp tình báo “Phượng hoàng, Thiên nga” đánh phá cơ sở cách mạng bên trong các xã, ấp.

Trước tình hình khó khăn, đặc biệt là tư tưởng “xả hơi, lừng khừng” xuất hiện trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ du kích, tháng 3/1973 Tỉnh ủy Biên Hòa đã nhiều lần tổ chức Hội nghị, mở các lớp học tập Chỉ thị 02/CT của Ban Thường vụ Trung ương Cục, nhằm làm cho cán bộ chiến sĩ và cơ sở thấy rõ thắng lợi to lớn của Hiệp định, khắc phục tư tưởng ngại khó, nghi ngại để củng cố lại phong trào. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là “Chống địch lấn chiếm bình định, đưa dân về đất cũ, công tác quần chúng phải gắn chặt với việc giải quyết quyền lợi cho dân”. Phương châm công tác là: “Lấy vũ trang làm phương tiện, làm hậu thuẫn cho đấu tranh chính trị”.

Tiếp đó, tháng 10-1973, Tỉnh ủy Biên Hòa triển khai Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7-1973) và Nghị quyết 14 của Trung ương cục miền Nam khẳng định: “Dù phát triển theo khả năng nào, con đường của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng”... và “kiên quyết phản công và tiến công, giữ vững và phát triển thế chủ động về mọi mặt của ta, đánh bại các cuộc hành quân của địch lấn chiếm vùng giải phóng hoặc bình định”... Nghị quyết của Đảng đã vực dậy tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, là cơ sở để khôi phục và phát triển lực lượng, tiến công địch trên cả 3

vùng căn cứ, đồng bằng, nông thôn và đô thị, đặc biệt là tập trung đánh phá vào âm mưu bình định của địch.

Cuối năm 1974, Bộ Tư lệnh Miền mở chiến dịch Đường 14 Phước Long. Ngày 06-01-1975, quân chủ lực giải phóng thị xã Phước Long. Chiến thắng Phước Long là “đòn trinh sát chiến lược”, cho thấy Mỹ không có khả năng chi viện quân sự trực tiếp cho chế độ Sài Gòn, để Trung ương ra Nghị quyết và hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

Ngày 10-03-1975, quân chủ lực giải phóng Buôn Ma Thuột, tiến công giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, buộc lực lượng địch ở Quân đoàn I và Quân đoàn II phải tháo chạy, địch gọi là “Di tản chiến lược”, tạo ra thời cơ lớn cho chiến trường miền Nam, thực hiện cuộc tiến công và nổi dậy hoàn thành mục tiêu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Sau khi mất Đà Nẵng, Phan Rang, ngày 28-3-1975, chính quyền Sài Gòn với sự cố vấn của tướng Uây-en quyết định xây dựng tuyến phòng thủ ở Xuân Lộc hòng ngăn chặn sức tiến công của quân giải phóng ở phía đông để bảo vệ Sài Gòn.

Từ ngày 09-4 đến 21-04-1975, thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền, Quân đoàn 4 chủ lực phối hợp cùng các lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa - Long Khánh mở chiến dịch Xuân Lộc, giải phóng thị xã Long Khánh,

Theo chỉ đạo của Khu ủy, Thành ủy Biên Hòa chủ trương: tranh thủ thời cơ bằng đòn tiến công của chủ lực, phát động nhân dân đứng lên, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã. Thành ủy Biên Hòa đã cử cán bộ vào nội thành xây dựng các Ủy ban khởi nghĩa ở các khu ấp và chuyển các đội nhân dân tự vệ do địch lập thành lực lượng cách mạng.

Sáng ngày 30-04-1975, các lực lượng vũ trang theo Xa lộ Biên Hòa (nay là Xa lộ Hà Nội) tiến vào thành phố Biên Hòa. Sư đoàn 6 (là đơn vị của Quân khu 7 được phối thuộc cho Quân đoàn 4) giao nhiệm vụ cho các trung đoàn vào tiếp quản Sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình...

Bên trong nội thành Biên Hòa, lực lượng cách mạng đã nổi dậy cướp chính quyền từ sáng sớm 30-4, máy ghi âm phát đi lời kêu gọi địch đầu hàng. Trước đó tối 29-4, Chi bộ chợ Biên Hòa đã cùng quần chúng phá khám Biên Hòa, giải phóng hàng trăm tù nhân chính trị bị địch bắt giam.

Đúng 10 giờ ngày 30-4-1975, quân giải phóng tiến vào tiếp quản Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa. Tại Quảng trường Sông Phố, người dân đổ ra chào đón, reo mừng chiến thắng dưới cái nắng nóng gay gắt của ngày cuối tháng 4 lịch sử. Đến 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, quân giải phóng làm chủ hoàn toàn thị xã Biên Hòa, Ủy ban Quân quản thành phố bắt tay ngay vào công tác giữ gìn an ninh trật tự.

Sau ngày 30-04-1975, đặc biệt từ khi thành lập lại phường, địa phương đã đón nhiều cư dân mới từ các phường lân cận, gia đình quân nhân thuộc các đơn vị đóng quân ở khu vực kho Long Bình và nhiều người từ các tỉnh, thành trong cả nước tới định cư.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hàng ngàn người con của các phường Tam Hòa, Tân Biên, Tân Hòa, xã Hồ Nai 3, xã Phước Tân và nhiều cán bộ chiến sĩ khắp mọi miền đất nước đã ngã xuống hoặc để lại một phần xương máu của mình nơi chiến trường ác liệt. Phường đang thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng của mình là chăm lo cho 5 Mẹ Việt Nam Anh hùng; 128 gia đình liệt sĩ; 265 thương binh, bệnh binh cùng với hàng ngàn gia đình, cá nhân có công với cách mạng⁽¹⁾.

(1) Xin xem thông tin danh sách trong phần *Phụ lục*.

CHƯƠNG I

LONG BÌNH NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1994 - 2000)

I. KIẾN TOÀN BỘ MÁY LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Đảng bộ phường Long Bình được thành lập

Ngày 29-8-1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 109/1994/NĐ-CP, theo đó phường Long Bình được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của phường Tam Hòa⁽¹⁾.

Khi thành lập, toàn phường có 1.689 hộ, với hơn 7.500 nhân khẩu, sau khi nhận bàn giao từ các phường, xã giáp ranh, dân số của phường tăng lên 13.976 người (thực tế khoảng trên 20 ngàn người) thuộc 02 khu phố và 15 tổ nhân dân, sinh sống trên một địa bàn rộng lớn.

(1) Nghị định số 109/1994/NĐ-CP ngày 29-8-1994 của Chính phủ về việc "tái lập huyện Vĩnh Cửu; điều chỉnh địa giới một số xã phường thuộc thành phố Biên Hòa và các huyện Long Khánh, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc", trên cơ sở chia tách từ phường Tam Hòa và sáp nhập một phần của các phường Tân Biên, Tân Hòa của thành phố Biên Hòa; xã Hố Nai 3 của huyện Thống Nhất và xã Phước Tân của huyện Long Thành (nay thuộc thành phố Biên Hòa).

Tình hình bấy giờ có nhiều khó khăn phức tạp như: Tranh chấp về đất đai, xây dựng lấn chiếm, mua bán, sang nhượng đất trái phép diễn ra thường xuyên...

Để lãnh đạo địa phương, nhanh chóng hình thành bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương mới, nhằm ổn định đời sống nhân dân và chăm lo phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ngày 30-8-1994 Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa ra Nghị quyết 01-NQ/TU về việc “Thành lập Đảng bộ cơ sở và chỉ định Ban Chấp hành đảng bộ lâm thời” ở phường Long Bình.

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ phường Long Bình được thành lập gồm 09 đồng chí; Ban Thường vụ 03 đồng chí, do đồng chí Trần Đức Dục làm Bí thư, đồng chí Trương Thị Bình làm Phó Bí thư và đồng chí Trần Văn Trọng là Ủy viên. Đảng bộ phường có 94 đảng viên, sinh hoạt tại 02 chi bộ là Chi bộ Khu phố 5 và Chi bộ Khu phố 6 được tách ra từ Đảng bộ phường Tam Hòa.

Chưa có trụ sở, văn phòng, nên ngày 02-9-1994 Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời họp phiên đầu tiên tại nhà riêng đồng chí Trần Đức Dục. Ban Chấp hành đã thống nhất ban hành Nghị quyết lãnh đạo sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác vận động quần chúng, công tác xây dựng Đảng của địa phương; trong đó tập trung kiện toàn bộ máy tổ chức cán bộ của phường, ổn định cuộc sống nhân dân và lãnh đạo cuộc bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999.

Là phường mới thành lập, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo thành công cuộc bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999; đồng thời lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị từ phường đến các khu phố; chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội Đảng bộ phường lần thứ I.

Từ năm 1995, đồng chí Nguyễn Đức Man được bầu bổ sung làm Bí thư Đảng ủy thay cho đồng chí Trần Đức Dục⁽¹⁾.

Đại hội Đảng bộ phường lần thứ I (nhiệm kỳ 1996 - 2000) được tổ chức vào tháng 9-1996 với 87 đại biểu tham dự. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 09 người, đồng chí Nguyễn Đức Man giữ chức Bí thư; đồng chí Trương Thị Bình làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần VIII, nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ thành phố Biên Hòa, Đại hội Đảng bộ phường đã xác định mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 1996 - 2000 là:

“Tiếp tục kiện toàn hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ phường; phát huy dân chủ, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”⁽²⁾.

(1) Năm 1997, đồng chí Trần Đức Dục xin nghỉ vì lý do sức khỏe.

(2) Trích Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường lần thứ I.